

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
1	NGUYỄN THỊ KIM AN	10A1	03	100001
2	NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH	10A1	03	100002
3	NGUYỄN ĐẶNG GIA BẢO	10A1	03	100003
4	LÊ BÙI GIA CẦN	10A1	03	100004
5	CAO BẢO CHÂU	10A1	03	100005
6	NGUYỄN VĂN ĐẠT	10A1	03	100007
7	NGUYỄN PHƯƠNG DIỄM	10A1	03	100008
8	TRẦN ÁNH DƯƠNG	10A1	03	100010
9	HỒ NGỌC KIỀU DUYÊN	10A1	03	100011
10	LÊ NGỌC KHẢI	10A1	03	100015
11	LÊ GIA KHANG	10A1	03	100016
12	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	10A1	03	100018
13	LÊ THỊ MỸ KIỀU	10A1	04	100022
14	CAO LÊ THÙY LINH	10A1	04	100023
15	NGUYỄN MINH LUÂN	10A1	04	100024
16	TRẦN THỊ HẠNH MỸ	10A1	04	100027
17	TRẦN THỊ NGỌC MỸ	10A1	04	100028
18	NGUYỄN BẢO NGỌC	10A1	04	100030
19	NGUYỄN HỮU NHÂN	10A1	04	100032
20	PHẠM THỊ YẾN NHI	10A1	04	100034
21	DƯƠNG NGUYỄN PHÁT	10A1	04	100039
22	HUỲNH GIA PHÁT	10A1	04	100040
23	BÙI NGUYỄN ANH PHIN	10A1	05	100042
24	NGUYỄN HỒNG PHONG	10A1	05	100043

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
25	NGUYỄN NHÃ PHƯƠNG	10A1	05	100045
26	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	10A1	05	100049
27	THÂN THỊ NHƯ QUỲNH	10A1	05	100050
28	NGUYỄN THỊ HỒNG SEN	10A1	05	100051
29	TRẦN PHẠM THANH THẢO	10A1	05	100056
30	ĐINH THỊ PHƯƠNG TRÂM	10A1	06	100065
31	BÙI NGỌC PHƯƠNG TRANG	10A1	06	100068
32	NGUYỄN PHƯƠNG TRÚC	10A1	06	100070
33	NGUYỄN ANH TUẤN	10A1	06	100071
34	PHẠM THỊ NGỌC UYÊN	10A1	06	100074
35	LÊ THỊ KHÁNH VY	10A1	06	100076
36	NGUYỄN PHAN TƯỜNG VY	10A1	06	100078
37	TRƯƠNG NGỌC TƯỜNG VY	10A1	06	100079
38	LÊ QUANG ĐẠT	10A2	03	100006
39	LÊ TẤN ĐỨC	10A2	03	100009
40	VÕ ANH HÀO	10A2	03	100012
41	TRẦN SỸ HOÀNG	10A2	03	100013
42	ĐOÀN TẤN HỮU	10A2	03	100014
43	LÊ QUANG THIÊN KHIÊM	10A2	03	100017
44	NGUYỄN VIỆT KHOA	10A2	03	100019
45	TRẦN ĐĂNG KHOA	10A2	03	100020
46	HUỲNH NGỌC KHUYẾN	10A2	04	100021
47	HUỲNH NỮ KIỀU MY	10A2	04	100025
48	LÊ THỊ TRÀ MY	10A2	04	100026

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
49	NGUYỄN THỊ TRÚC NGÂN	10A2	04	100029
50	PHAN THỊ THÚY NGỌC	10A2	04	100031
51	ĐẶNG PHAN YẾN NHI	10A2	04	100033
52	TRẦN THỊ HUỖNH NHƯ	10A2	04	100035
53	TRẦN DUY NIN	10A2	04	100036
54	NGUYỄN TRẦN PHI PHA	10A2	04	100037
55	ĐINH THÀNH PHÁT	10A2	04	100038
56	PHẠM NGỌC HOÀNG PHI	10A2	05	100041
57	VÕ QUANG PHƯỚC	10A2	05	100044
58	VÕ HOÀNG MAI PHƯƠNG	10A2	05	100046
59	VŨ THU PHƯƠNG	10A2	05	100047
60	NGUYỄN LÊ ĐỨC QUÝ	10A2	05	100048
61	VÕ PHẠM MINH TÀI	10A2	05	100052
62	NGUYỄN CÔNG THÀNH	10A2	05	100053
63	TRẦN ĐỖ NGỌC THÀNH	10A2	05	100054
64	PHẠM HUỖNH NGỌC THẢO	10A2	05	100055
65	VÕ PHẠM THU THẢO	10A2	05	100057
66	NGUYỄN QUANG THI	10A2	05	100058
67	VI TIỂU THIÊN	10A2	05	100059
68	HUỖNH THỊ KIM THOA	10A2	05	100060
69	NGUYỄN THỊ KIM THỎA	10A2	06	100061
70	HUỖNH KIM NGỌC THUẬN	10A2	06	100062
71	LÊ KIM THÙY	10A2	06	100063
72	NGÔ THỊ NHƯ THỦY	10A2	06	100064

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
73	NGUYỄN LÊ NGỌC TRÂM	10A2	06	100066
74	NGUYỄN NGUYỄN TUỆ TRÂN	10A2	06	100067
75	LÊ TUẤN THANH TRÚC	10A2	06	100069
76	HUỲNH THANH TÙNG	10A2	06	100072
77	ĐỖ TÂN NGỌC TY	10A2	06	100073
78	NGUYỄN XUÂN VŨ	10A2	06	100075
79	NGUYỄN MỸ HÀ VY	10A2	06	100077
80	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	10A3	07	100081
81	PHẠM THẾ ANH	10A3	07	100082
82	TRẦN NGUYỄN DIỆU ANH	10A3	07	100083
83	HUỲNH NGỌC BẢO CHÂU	10A3	07	100086
84	LÊ MỸ HOÀNG BẢO CHÂU	10A3	07	100087
85	CHẾ THỊ NGỌC DIỄM	10A3	07	100094
86	NGUYỄN HOÀNG NGỌC DIỆP	10A3	07	100095
87	TRẦN LÊ NGỌC DIỆP	10A3	07	100096
88	NGUYỄN LÊ VĂN GIÁP	10A3	08	100108
89	HỒ ĐẶNG NGỌC HÂN	10A3	08	100109
90	NGUYỄN THỊ THANH HUỆ	10A3	08	100117
91	BÙI QUANG HÙNG	10A3	08	100119
92	NGUYỄN QUỐC HUY	10A3	09	100122
93	NGUYỄN THÀNH HUY	10A3	09	100123
94	HUỲNH NGỌC HUYỀN	10A3	09	100128
95	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	10A3	09	100129
96	ĐẶNG ANH KHƯƠNG	10A3	10	100141

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
97	ĐỖ THỊ NGỌC LINH	10A3	10	100144
98	NGÔ NGUYỄN XUÂN MAI	10A3	10	100150
99	TRẦN HUYỀN MY	10A3	10	100155
100	NGUYỄN THIÊN NAM	10A3	10	100157
101	NGUYỄN XUÂN NHI	10A3	11	100173
102	VÕ LÊ QUỲNH NHƯ	10A3	11	100175
103	ĐẶNG VÕ QUỐC PHONG	10A3	12	100182
104	LÊ TRẦN NHẤT PHONG	10A3	12	100183
105	HUỲNH BÙI MINH QUÂN	10A3	13	100193
106	NGÔ QUÝ	10A3	13	100196
107	PHẠM THẢO QUYÊN	10A3	13	100198
108	NGUYỄN HỒNG SƠN	10A3	14	100202
109	NGUYỄN THÂN PHÚC TẤN	10A3	14	100205
110	BIỆN TRẦN VĂN THỌ	10A3	15	100214
111	NGÔ THỊ MINH THU	10A3	15	100215
112	NGUYỄN MINH THỨC	10A3	16	100220
113	PHẠM THỊ MINH THÙY	10A3	16	100223
114	TRẦN VI THANH TRÀ	10A3	17	100232
115	VÕ NGUYỄN CAO TRÍ	10A3	18	100243
116	TRỊNH MINH TRIẾT	10A3	18	100244
117	NGUYỄN NGỌC ÁNH TRÚC	10A3	19	100250
118	NGUYỄN CÁT TƯỜNG	10A3	19	100256
119	PHẠM THÚY VY TUYỀN	10A3	19	100257
120	BÙI TÚ UYÊN	10A3	19	100258

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
121	TRẦN TIẾN VŨ	10A3	20	100263
122	TRẦN KIM CHI	10A4	07	100088
123	HUỖNH THANH DANH	10A4	07	100091
124	TRẦN THANH DUY	10A4	08	100103
125	LÊ QUỐC HÀO	10A4	08	100111
126	TRẦN THỊ THU HIỀN	10A4	08	100114
127	PHẠM TRẦN NGỌC HIẾU	10A4	08	100116
128	VÕ GIA KHẢI	10A4	09	100133
129	LÊ NGUYỄN KHÔI	10A4	10	100140
130	LƯƠNG THỊ HUYỀN MY	10A4	10	100153
131	NGUYỄN THỊ THẢO MY	10A4	10	100154
132	LÊ BẢO NGỌC NGÀ	10A4	11	100160
133	NGUYỄN BẢO NGỌC	10A4	11	100163
134	HUỖNH NGỌC THẢO NGUYỄN	10A4	11	100166
135	TRẦN TÂN HOÀNG NGUYỄN	10A4	11	100168
136	HUỖNH CÔNG NHÂN	10A4	11	100169
137	LÊ QUANG TRƯỜNG NHẬT	10A4	11	100170
138	LÊ TRẦN UYÊN NHI	10A4	11	100172
139	VÕ THỊ LY NY	10A4	11	100179
140	LÊ QUANG DIỆU PHÁP	10A4	12	100180
141	NGUYỄN HỮU PHÚ	10A4	12	100187
142	NGUYỄN VIỆT PHÚ	10A4	12	100188
143	NGUYỄN MINH PHƯỚC	10A4	13	100191
144	PHẠM VŨ ĐĂNG QUANG	10A4	13	100195

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
145	TRẦN THỊ MINH THU'	10A4	15	100216
146	HUỖNH AN THUYỀN	10A4	16	100225
147	NGUYỄN HỮU TÍN	10A4	16	100229
148	HUỖNH NHẬT TRÂM	10A4	17	100234
149	LÊ HUYỀN TRÂM	10A4	17	100235
150	NGUYỄN THỊ THU TRANG	10A4	18	100240
151	LÊ VĂN TRÍ	10A4	18	100242
152	ĐỖ MINH TRIỆU	10A4	18	100246
153	TRỊNH DIỄM LAN TRỊNH	10A4	18	100249
154	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG TRÚC	10A4	19	100251
155	BIỆN CHÂU CẨM TÚ	10A4	19	100253
156	NGUYỄN VĂN HOÀNG VŨ	10A4	20	100262
157	LƯU VĂN VỸ	10A4	20	100267
158	LÊ THỊ BẢO AN	10A5	07	100080
159	NGUYỄN TRẦN QUỐC BẢO	10A5	07	100085
160	TRƯƠNG NGỌC SANG ĐÔNG	10A5	07	100098
161	TRẦN ĐỨC DƯƠNG	10A5	08	100102
162	NGUYỄN NGÔ KIM DUYỀN	10A5	08	100105
163	PHẠM NGỌC KỲ DUYỀN	10A5	08	100106
164	BẠCH NGỌC LAM GIANG	10A5	08	100107
165	NGUYỄN THỊ NGỌC HIẾU	10A5	08	100115
166	NGUYỄN XUÂN HUY	10A5	09	100124
167	LÊ NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	10A5	09	100125
168	LÊ THỊ THẢO HUYỀN	10A5	09	100126

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
169	NGUYỄN ÁNH HUYỀN	10A5	09	100127
170	PHẠM BÁ KHIÊM	10A5	09	100135
171	NGUYỄN PHẠM ANH KHOA	10A5	09	100137
172	LÊ HUYỀN MAI	10A5	10	100149
173	NGUYỄN NGỌC GIA MINH	10A5	10	100151
174	BÙI THÙY MỸ	10A5	10	100156
175	PHẠM BÁ LÊ NAM	10A5	10	100158
176	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	10A5	11	100161
177	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀN NHI	10A5	11	100174
178	NGUYỄN HỒ YẾN NHUNG	10A5	11	100176
179	TRẦN TRỌNG PIN	10A5	13	100192
180	TRẦN HOÀNG QUYÊN	10A5	13	100199
181	TRẦN LÊ NHƯ QUỲNH	10A5	14	100201
182	NGUYỄN THỊ HUYỀN THI	10A5	15	100210
183	TRẦN ĐỨC THỊNH	10A5	15	100213
184	LÊ QUANG THUẬN	10A5	15	100217
185	NGUYỄN DIỆU THƯƠNG	10A5	16	100221
186	LÊ NGUYỄN MAI THÙY	10A5	16	100222
187	VÕ THỊ THU THÙY	10A5	16	100224
188	NGUYỄN HỒNG HUYỀN TRÂN	10A5	17	100239
189	LÊ TRẦN MINH TRÍ	10A5	18	100241
190	HUỲNH NGUYỄN ĐOAN TRINH	10A5	18	100248
191	VÕ ĐẶNG CHÍ TRUNG	10A5	19	100252
192	PHẠM THỊ KIM UYÊN	10A5	19	100259

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
193	TRẦN THỊ CẨM VY	10A5	20	100266
194	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	10A6	07	100084
195	NGUYỄN NGỌC DANH	10A6	07	100092
196	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	10A6	07	100093
197	BÙI VĂN ĐÔ	10A6	07	100097
198	NGUYỄN VĂN DUẤN	10A6	07	100099
199	PHAN TIẾN DŨNG	10A6	08	100101
200	NGUYỄN HÒA PHƯƠNG DUYÊN	10A6	08	100104
201	PHẠM THỊ HẬU	10A6	08	100113
202	BÙI LÂM HÙNG	10A6	08	100118
203	LÊ THỊ NGỌC KHA	10A6	09	100131
204	NGUYỄN THỊ Y KHẮM	10A6	09	100134
205	BÙI ĐĂNG KHOA	10A6	09	100136
206	NGUYỄN MẠNH KHƯƠNG	10A6	10	100142
207	PHAN TẤN LÀNH	10A6	10	100143
208	NGUYỄN ĐĂNG LONG	10A6	10	100146
209	MAI NGUYỄN CẨM LY	10A6	10	100147
210	BÙI VÕ THẢO MY	10A6	10	100152
211	TRẦN VĂN NAM	10A6	10	100159
212	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC	10A6	11	100164
213	LÊ MAI KHẢ NGUYỄN	10A6	11	100167
214	LÊ NGUYỄN HOÀI NHI	10A6	11	100171
215	NGUYỄN HỒNG NHUNG	10A6	11	100177
216	NGUYỄN MINH PHONG	10A6	12	100184

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
217	LÊ QUỐC PHÚ	10A6	12	100185
218	NGÔ ĐỨC PHÚ	10A6	12	100186
219	PHAN ĐIỂM QUỲNH	10A6	14	100200
220	TẠ THỊ NGỌC THẨM	10A6	14	100206
221	NGUYỄN NGỌC THANH THIÊN	10A6	15	100211
222	TRẦN CHÍ THIÊN	10A6	15	100212
223	PHẠM THỊ BẢO TRÂM	10A6	17	100237
224	TRẦN LÊ QUỲNH TRÂM	10A6	17	100238
225	HUỲNH MINH TRIỆU	10A6	18	100247
226	NGUYỄN LÊ CẨM TÚ	10A6	19	100254
227	NGUYỄN THƯƠNG TÚ	10A6	19	100255
228	PHẠM QUỐC VIỆT	10A6	20	100260
229	TRẦN CÔNG VIỆT	10A6	20	100261
230	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	10A6	20	100264
231	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	10A6	20	100265
232	TRẦN LÊ KIM CHI	10A7	07	100089
233	LÝ QUỐC CƯỜNG	10A7	07	100090
234	TRẦN THỊ THÙY DUNG	10A7	08	100100
235	NGUYỄN HUỲNH MINH HẰNG	10A7	08	100110
236	PHẠM TẤN HẬU	10A7	08	100112
237	HỒ NGỌC HƯƠNG	10A7	09	100120
238	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	10A7	09	100121
239	PHẠM THANH HUYỀN	10A7	09	100130
240	NGÔ TRẦN QUANG KHẢI	10A7	09	100132

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
241	VĂN TIẾN KHOA	10A7	09	100138
242	ĐOÀN GIA KHÔI	10A7	09	100139
243	KIỀU NỮ HOÀNG LINH	10A7	10	100145
244	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LY	10A7	10	100148
245	TẠ VÕ THANH NGÂN	10A7	11	100162
246	VÕ NGUYỄN NGỌC	10A7	11	100165
247	VÕ NGỌC NƯƠNG	10A7	11	100178
248	PHÙNG ĐỨC PHÁT	10A7	12	100181
249	PHẠM TRẦN PHÚ	10A7	12	100189
250	THÂN TRỌNG PHÚC	10A7	13	100190
251	NGUYỄN MINH QUÂN	10A7	13	100194
252	NGUYỄN THỊ MẠNH QUYÊN	10A7	13	100197
253	NGUYỄN MINH SƠN	10A7	14	100203
254	HUỲNH KHẢ TÂM	10A7	14	100204
255	ĐÀM THỊ THANH THẢO	10A7	14	100207
256	TRẦN THỊ THANH THẢO	10A7	14	100208
257	TRẦN THỊ THU THẢO	10A7	14	100209
258	LÊ TRẦN THU THUẬN	10A7	15	100218
259	NGUYỄN THỊ MỸ THUẬN	10A7	15	100219
260	ĐINH VÕ NGỌC TIÊN	10A7	16	100226
261	ĐOÀN HỮU TIÊN	10A7	16	100227
262	VÕ VĂN TIÊN	10A7	16	100228
263	ĐINH HỮU TOÀN	10A7	17	100230
264	TRẦN THANH TRÀ	10A7	17	100231

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
265	ĐẶNG THÙY TRÂM	10A7	17	100233
266	LÊ PHẠM BẢO TRÂM	10A7	17	100236
267	TRẦN NGỌC TRIỀU	10A7	18	100245
268	ĐOÀN QUỐC DUY	10C1	22	100268
269	PHẠM KIỀU GIANG	10C1	22	100269
270	NGUYỄN LÊ BẢO HÂN	10C1	22	100270
271	NGUYỄN THỊ THANH KIỀU	10C1	22	100271
272	TRẦN LÊ QUỲNH LAM	10C1	22	100272
273	VÕ LÊ THỊ LUẬN	10C1	22	100273
274	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	10C1	22	100274
275	LÊ THỊ THANH QUÝ	10C1	22	100275
276	ĐẶNG NGUYỄN NHƯ QUỲNH	10C1	22	100276
277	DƯƠNG THỊ NHƯ THỦY	10C1	22	100277
278	TRẦN THỊ THANH THÚY	10C1	23	100278
279	LÊ MINH THƯ	10C1	23	100279
280	TRỊNH PHẠM ANH THƯ	10C1	23	100280
281	HUỲNH NGÔ MAI TRÂM	10C1	23	100281
282	LÊ HỮU TRÍ	10C1	23	100282
283	NGUYỄN LÊ MINH TRÚC	10C1	23	100283
284	HUỲNH THỊ KIM TUYÊN	10C1	23	100284
285	HOÀNG HẢI VÂN	10C1	23	100285
286	TRẦN NGUYỄN HOÀI ANH	11A1	03	110002
287	NGUYỄN ĐỨC BẢO ÁNH	11A1	03	110003
288	ĐẶNG VĂN BÌNH	11A1	03	110006

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
289	TRẦN HÀ HỒNG CẨM	11A1	03	110007
290	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	11A1	03	110010
291	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG ĐẠT	11A1	04	110012
292	LÊ QUANG ĐỊNH	11A1	04	110014
293	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	11A1	04	110015
294	LÊ THỊ BÍCH GIANG	11A1	04	110018
295	NGUYỄN MINH HIỀN	11A1	05	110021
296	LÊ QUANG TUẤN HUY	11A1	05	110023
297	PHAN NGUYỄN VÂN KHÁNH	11A1	05	110027
298	NGUYỄN TRẦN GIA KIẾT	11A1	05	110028
299	TRẦN VĂN KIẾT	11A1	05	110029
300	NGUYỄN PHAN DIỄM MY	11A1	06	110034
301	TRƯƠNG QUANG NAM	11A1	06	110035
302	LÊ THỊ BẢO NGỌC	11A1	07	110041
303	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	11A1	07	110045
304	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11A1	07	110046
305	TRẦN TRƯỞNG HOÀNG PHÁT	11A1	07	110047
306	NGÔ ĐẶNG HUỠNH QUANG	11A1	07	110049
307	PHẠM NGUYỄN THẢO QUYÊN	11A1	07	110050
308	PHẠM VÕ NHƯ QUỲNH	11A1	08	110052
309	LÊ NGÔ HỒNG THẨM	11A1	08	110053
310	HUỠNH BẢO THỊNH	11A1	08	110054
311	PHAN VĂN THỊNH	11A1	08	110055
312	LƯ QUỲNH THOA	11A1	08	110056

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
313	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	11A1	08	110057
314	HỒ THỊ QUỲNH TRANG	11A1	08	110058
315	NGUYỄN MINH TRÍ	11A1	09	110061
316	LÊ THỊ THANH TRÚC	11A1	09	110062
317	LÊ THỊ THẢO VY	11A1	09	110068
318	NGUYỄN THỊ YÊN	11A1	09	110069
319	BÙI TẤN ANH	11A2	03	110001
320	PHẠM THỊ NHẬT ÁNH	11A2	03	110004
321	BÙI NGỌC BÍCH	11A2	03	110005
322	NGUYỄN MINH CHÂU	11A2	03	110008
323	LÊ VĂN CHÍ	11A2	03	110009
324	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	11A2	04	110011
325	LÊ NGUYỄN NGỌC DIỄM	11A2	04	110013
326	PHẠM THỊ THÙY DUYÊN	11A2	04	110016
327	BÙI THỊ TRÀ GIANG	11A2	04	110017
328	TRẦN HOÀNG HÂN	11A2	04	110019
329	NGUYỄN NGỌC MINH HẰNG	11A2	04	110020
330	TRẦN THỊ HƯỜNG	11A2	05	110022
331	HUỲNH THỊ NGỌC HUYỀN	11A2	05	110024
332	NGÔ THỊ MINH KHA	11A2	05	110025
333	NGUYỄN HOÀNG KHANG	11A2	05	110026
334	TRẦN DIỄM KIỀU	11A2	05	110030
335	BÙI VĂN CAO KỲ	11A2	06	110031
336	MAI NHẬT MINH	11A2	06	110032

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
337	NGUYỄN HOÀNG MINH	11A2	06	110033
338	NGUYỄN PHẠM BẢO NGÂN	11A2	06	110036
339	TRƯƠNG THỊ BẢO NGÂN	11A2	06	110037
340	HUỲNH THANH NGHĨA	11A2	06	110038
341	TRẦN PHẠM GIA NGHĨA	11A2	06	110039
342	ĐOÀN BÙI BẢO NGỌC	11A2	06	110040
343	ĐINH TRUNG NGUYỄN	11A2	07	110042
344	TRƯƠNG LÊ NHƯ NGUYỆT	11A2	07	110043
345	NGUYỄN THÀNH NHÂN	11A2	07	110044
346	LÊ MINH PHƯỢNG	11A2	07	110048
347	PHẠM NGUYỄN NHƯ QUỲNH	11A2	08	110051
348	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	11A2	08	110059
349	TRẦN VƯƠNG UYÊN TRANG	11A2	08	110060
350	PHẠM VÕ THANH TRÚC	11A2	09	110063
351	LÊ HOÀI BẢO TƯỜNG	11A2	09	110064
352	ĐOÀN NGUYỄN CẨM UYÊN	11A2	09	110065
353	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC UYÊN	11A2	09	110066
354	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	11A2	09	110067
355	HỒ TRẦN GIA AN	11A3	10	110071
356	ĐẶNG TIẾN ANH	11A3	10	110072
357	NGUYỄN ĐẶNG VÂN ANH	11A3	10	110074
358	NGUYỄN TUẤN ANH	11A3	10	110076
359	TRẦN NGUYỄN TRÚC ANH	11A3	10	110078
360	NGUYỄN THÂN NGỌC CHIẾN	11A3	11	110086

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
361	NGUYỄN THANH CÔNG	11A3	11	110088
362	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	11A3	12	110100
363	HUỖNH NGUYỄN ĐỨC DUY	11A3	12	110102
364	NGUYỄN NGÔ MAI DUYÊN	11A3	12	110106
365	TẠ TRÚC GIANG	11A3	12	110107
366	NGUYỄN NGỌC HÀ	11A3	12	110109
367	NGUYỄN CHÍ MINH HẢI	11A3	13	110112
368	NGUYỄN GIA HÂN	11A3	13	110113
369	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	11A3	13	110115
370	LÊ THỊ THANH HẰNG	11A3	13	110121
371	PHẠM ĐÌNH THÚY HẰNG	11A3	13	110124
372	PHẠM THANH HIỀN	11A3	13	110130
373	ĐOÀN THỊ XUÂN HIẾU	11A3	14	110133
374	BÙI TRẦN QUANG HUY	11A3	14	110145
375	TRẦN NGUYỄN KHANG	11A3	15	110155
376	BẠCH MINH KHUÊ	11A3	15	110161
377	TRẦN ANH KIẾT	11A3	15	110166
378	NGUYỄN THỊ DIỄM LY	11A3	16	110177
379	TRẦN NGỌC TRÀ MY	11A3	16	110184
380	KIỀU TIẾN NAM	11A3	16	110188
381	TRẦN NGỌC BẢO NGÂN	11A3	17	110193
382	PHAN THỊ THANH NHÀN	11A3	17	110201
383	PHẠM THỊ PHÚC	11A3	18	110217
384	HUỖNH THỊ PHỤNG	11A3	18	110218

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
385	NGUYỄN DUY PHƯỚC	11A3	18	110219
386	ĐẶNG THÁI SƠN	11A3	19	110234
387	BÙI XUÂN THÀNH	11A3	19	110240
388	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	11A3	20	110252
389	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	11A3	20	110255
390	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	11A3	20	110256
391	NGUYỄN THUỶ TRÂM	11A3	20	110259
392	BÙI MINH TRÍ	11A3	20	110264
393	LUU MINH ANH	11A4	10	110073
394	NGUYỄN NHẬT BẢO CHÂU	11A4	11	110084
395	NGUYỄN CAO KỶ DUYÊN	11A4	12	110105
396	TRƯƠNG NGỌC KIM HÂN	11A4	13	110119
397	HUỲNH ĐẶNG LỆ HẰNG	11A4	13	110120
398	NGUYỄN NGỌC HÙNG	11A4	14	110139
399	BÙI TÂN HUY	11A4	14	110144
400	NGUYỄN HOÀNG GIA HUY	11A4	14	110146
401	BÙI ĐOÀN YẾN HUYỀN	11A4	14	110148
402	HUỲNH ĐẶNG KHOA	11A4	15	110159
403	PHẠM THỊ KHUÔNG	11A4	15	110162
404	LÊ TẤT KIÊN	11A4	15	110164
405	HUỲNH ĐẶNG MỸ LỆ	11A4	15	110168
406	VÕ XUÂN MAI	11A4	16	110178
407	NGUYỄN TRÀ MY	11A4	16	110183
408	LÊ THANH HOÀNG MỸ	11A4	16	110186

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
409	NGUYỄN VĂN NAM	11A4	16	110190
410	NGUYỄN BẢO NGÂN	11A4	16	110191
411	VÕ XUÂN NGHĨA	11A4	17	110197
412	HÀ MINH NHẬT	11A4	17	110203
413	NGUYỄN GIA NHI	11A4	17	110204
414	NGUYỄN HUỲNH NGỌC PHÁT	11A4	18	110213
415	VÕ TẤN PHÁT	11A4	18	110215
416	TRẦN ĐÌNH KHÁNH PHƯƠNG	11A4	18	110221
417	LÊ MINH QUÂN	11A4	18	110222
418	TRẦN QUANG QUÝ	11A4	18	110227
419	NGUYỄN PHAN NHƯ QUỲNH	11A4	19	110232
420	NGUYỄN HOÀI TÂM	11A4	19	110236
421	CAO THÀNH THÁI	11A4	19	110237
422	LÊ MAI THỊ KIM THẨM	11A4	19	110238
423	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	11A4	19	110243
424	ĐOÀN NGỌC SONG THƯ	11A4	19	110249
425	TRẦN QUANG THUẬN	11A4	20	110254
426	NGUYỄN HỮU TÌNH	11A4	20	110257
427	ĐỖ VĂN TRÍ	11A4	20	110265
428	HUỲNH VĂN TRÍ	11A4	20	110266
429	TRẦN ĐỨC TRÍ	11A4	20	110267
430	ĐỖ VĂN TRUNG	11A4	21	110273
431	PHAN QUỐC TÚ	11A4	21	110276
432	ĐINH THỊ KIM YẾN	11A4	21	110289

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
433	NGUYỄN MINH ANH	11A5	10	110075
434	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	11A5	10	110077
435	TRẦN NHẬT ANH	11A5	10	110079
436	HUỲNH KIM ÁNH	11A5	10	110080
437	HUỲNH THỊ KIM ÁNH	11A5	11	110081
438	LÊ GIA BẢO	11A5	11	110082
439	HUỲNH NGUYỄN CHUỖNG	11A5	11	110087
440	HUỲNH NGỌC LINH ĐA	11A5	11	110089
441	HỒ NGUYỄN NHÃ ĐAN	11A5	11	110090
442	HUỲNH CÔNG DUY	11A5	12	110101
443	NGUYỄN HOÀNG HÀ	11A5	12	110108
444	THÂN HUỲNH NHƯ HIẾU	11A5	14	110134
445	PHẠM LÊ HUY	11A5	14	110147
446	BÙI GIA KHẢI	11A5	15	110152
447	NGUYỄN DUY KHÁNH	11A5	15	110156
448	BÙI CAO ANH KHOA	11A5	15	110158
449	NGUYỄN THIÊN KIỀU	11A5	15	110167
450	NGUYỄN THỊ DIỆU MY	11A5	16	110182
451	BÙI ĐỖ NHẬT NAM	11A5	16	110187
452	NGUYỄN VÕ KHÁNH NGÂN	11A5	17	110192
453	NGUYỄN YẾN NHI	11A5	17	110205
454	VÕ QUỲNH NHI	11A5	17	110206
455	TRỊNH MINH NHỰT	11A5	17	110210
456	BÙI TẤN PHÁP	11A5	18	110212

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
457	PHẠM BÁ PHÁT	11A5	18	110214
458	ĐẶNG VĂN PHÚC	11A5	18	110216
459	TRỊNH KHÁNH QUÂN	11A5	18	110224
460	HUỲNH TRẦN THÚY QUYÊN	11A5	18	110228
461	TRẦN NGUYỄN NHẬT QUYÊN	11A5	18	110229
462	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	11A5	18	110231
463	VÕ THÀNH TÀI	11A5	19	110235
464	HÀ THỊ THẢO	11A5	19	110242
465	LÊ THỊ MINH THU'	11A5	19	110250
466	NGUYỄN THỊ THU TRANG	11A5	20	110262
467	BÙI ĐÌNH MINH TRÍ	11A5	20	110263
468	PHẠM ĐOÀN NGỌC TRIẾT	11A5	20	110269
469	TRẦN QUỐC TUẤN	11A5	21	110279
470	ĐẶNG TRẦN NHƯ UYÊN	11A5	21	110282
471	ĐỖ THỊ TƯỜNG VY	11A5	21	110285
472	LÊ HUỲNH KHÁNH CHI	11A6	11	110085
473	BÙI THỊ XUÂN DIỆU	11A6	12	110096
474	ĐOÀN HUỲNH KHÁNH DUYÊN	11A6	12	110103
475	LÊ NGUYỄN THÙY DUYÊN	11A6	12	110104
476	TRẦN MINH HẬU	11A6	13	110128
477	KIỀU TRƯƠNG HIỀN	11A6	13	110129
478	LÊ HOÀNG HIỀN	11A6	14	110132
479	NGUYỄN THỊ VIỆT HỌC	11A6	14	110138
480	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	11A6	14	110142

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
481	HUỖNH KIM KHA	11A6	14	110151
482	VÕ TẤN KHẢI	11A6	15	110153
483	TRẦN GIA KHIÊM	11A6	15	110157
484	ĐÀM LÊ TRÚC LINH	11A6	15	110170
485	HUỖNH ĐIỀU LINH	11A6	15	110171
486	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	11A6	16	110172
487	TRẦN QUỐC LỘC	11A6	16	110174
488	TRẦN HOÀI LONG	11A6	16	110175
489	TRẦN NGUYỄN KIỀU HÀ MY	11A6	16	110185
490	CAO QUANG NGHĨA	11A6	17	110194
491	HUỖNH TẤN NGHĨA	11A6	17	110195
492	NGUYỄN THỊ THU NGỌC	11A6	17	110198
493	TRẦN BẢO NGỌC	11A6	17	110199
494	NGUYỄN QUANG NHẬT	11A6	17	110202
495	ĐINH LÊ HOÀI NHƯ	11A6	17	110208
496	PHAN TRẦN THẢO PHƯƠNG	11A6	18	110220
497	TRẦN THANH QUANG	11A6	18	110225
498	HUỖNH ĐÌNH THIÊN	11A6	19	110246
499	ĐOÀN KHÁNH THỊNH	11A6	19	110248
500	ĐẶNG THỊ THÙY TRANG	11A6	20	110261
501	LÊ ĐỨC MINH TRIẾT	11A6	20	110268
502	HUỖNH TRƯỞNG ANH TRÔNG	11A6	20	110271
503	LÊ THỊ CẨM TÚ	11A6	21	110275
504	BÙI MINH TUẤN	11A6	21	110277

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
505	HUỖNH NHẬT TƯỜNG VY	11A6	21	110286
506	VÕ THỊ NHƯ Ý	11A6	21	110288
507	BÙI VĂN AN	11A7	10	110070
508	ĐỖ TIẾN ĐẠT	11A7	11	110091
509	NGUYỄN TẤN ĐẠT	11A7	12	110093
510	ĐẶNG NGUYỄN HUYỀN DIỆU	11A7	12	110097
511	PHẠM HỒNG ĐƯỢC	11A7	12	110099
512	NGUYỄN THANH HÀ	11A7	12	110110
513	NGUYỄN GIA HÂN	11A7	13	110114
514	ÔN GIA HÂN	11A7	13	110116
515	TRẦN GIA HÂN	11A7	13	110117
516	NGÔ MINH HẰNG	11A7	13	110122
517	PHẠM NGỌC HẬU	11A7	13	110127
518	TRẦN MINH HIỀN	11A7	13	110131
519	HUỖNH THỊ XUÂN HOA	11A7	14	110136
520	PHẠM NGUYỄN NGỌC HÙNG	11A7	14	110141
521	LÊ MỸ HUYỀN	11A7	14	110149
522	NGUYỄN CÔNG TUẤN KIẾT	11A7	15	110165
523	LÊ QUANG LIÊM	11A7	15	110169
524	PHẠM TRẦN TRÚC LINH	11A7	16	110173
525	HUỖNH THỊ TRÚC LY	11A7	16	110176
526	NGUYỄN HỮU NAM	11A7	16	110189
527	NGUYỄN HỮU NGHĨA	11A7	17	110196
528	PHÙNG NGÔ THẢO NGUYÊN	11A7	17	110200

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
529	HỒ NGỌC NHIÊN	11A7	17	110207
530	BÙI THỊ MỸ NỮ	11A7	17	110211
531	TRẦN VŨ ANH QUÂN	11A7	18	110223
532	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	11A7	18	110230
533	CAO TOÀN THẮNG	11A7	19	110239
534	NGUYỄN HUỲNH CÔNG THÀNH	11A7	19	110241
535	ĐOÀN NHẤT THIÊN	11A7	19	110244
536	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	11A7	19	110251
537	TRẦN NHẬT THUẬN	11A7	20	110253
538	PHẠM BÙI KHẢ TRÂM	11A7	20	110260
539	NGUYỄN BÙI GIA TRIỆU	11A7	20	110270
540	LÊ HOÀNG ANH TUẤN	11A7	21	110278
541	TÙ THỊ PHƯƠNG TUYẾT	11A7	21	110280
542	BÙI MINH THẢO UYÊN	11A7	21	110281
543	NGUYỄN ĐOÀN BẢO YẾN	11A7	21	110290
544	NGUYỄN NGỌC CHÂU	11A8	11	110083
545	NGUYỄN HỮU ĐẠT	11A8	12	110092
546	VÕ MINH ĐẠT	11A8	12	110094
547	NGUYỄN THỊ DIỄM	11A8	12	110095
548	VÕ MINH ĐỨC	11A8	12	110098
549	PHẠM LÊ THIÊN HÀ	11A8	12	110111
550	TRẦN LÊ BẢO HÂN	11A8	13	110118
551	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	11A8	13	110123
552	TRẦN THỊ MỸ HẰNG	11A8	13	110125

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
553	NGUYỄN THÂN HỒNG HẠNH	11A8	13	110126
554	TRẦN ĐÌNH HIẾU	11A8	14	110135
555	LÊ QUANG THÁI HÒA	11A8	14	110137
556	ĐOÀN QUỐC HÙNG	11A8	14	110140
557	BÙI NGỌC HUY	11A8	14	110143
558	HUỲNH LỆ HUYỀN	11A8	14	110150
559	TẠ LÊ VŨ KHANG	11A8	15	110154
560	NGUYỄN TẤN KHOA	11A8	15	110160
561	ĐẶNG TRẦN KIÊN	11A8	15	110163
562	LÊ TẠ BẢO MINH	11A8	16	110179
563	LÊ PHẠM ĐIỂM MY	11A8	16	110180
564	NGUYỄN LỆ ĐIỂM MY	11A8	16	110181
565	TRẦN THỊ GIA NHƯ	11A8	17	110209
566	TRẦN LÊ QUÝ	11A8	18	110226
567	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	11A8	19	110233
568	LÊ NGUYỄN KHÁNH THIÊN	11A8	19	110245
569	LÊ NGUYỄN NGỌC THIỆU	11A8	19	110247
570	HUỲNH LÊ TOÀN	11A8	20	110258
571	VÕ THANH TRÚC	11A8	21	110272
572	NGUYỄN HỮU TRUNG	11A8	21	110274
573	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	11A8	21	110283
574	NGÔ ĐOÀN HOÀNG VĂN	11A8	21	110284
575	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	11A8	21	110287
576	NGUYỄN TÙNG CHI	11C1	22	110294

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
577	PHẠM NAM ĐẠI DƯƠNG	11C1	22	110297
578	LÊ NGỌC HƯƠNG GIANG	11C1	22	110299
579	NGUYỄN TRÀ GIANG	11C1	22	110302
580	LÊ GIA HÂN	11C1	22	110303
581	NGÔ NGUYỄN THU HIỀN	11C1	22	110306
582	CAO NGỌC HUYỀN	11C1	22	110308
583	NGÔ THỊ THANH HUYỀN	11C1	22	110309
584	NGUYỄN BẢO HUYỀN	11C1	22	110310
585	TRẦN NGỌC KHÁNH LINH	11C1	23	110315
586	TRẦN NGUYỄN LONG	11C1	23	110317
587	TRẦN QUỐC LƯỢNG	11C1	23	110318
588	ĐÀO NGỌC MAI	11C1	23	110319
589	NGUYỄN TRẦN TI NA	11C1	23	110321
590	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NGÂN	11C1	23	110323
591	THÂN HẠNH NGUYỄN	11C1	23	110327
592	VÕ THỊ KIM NGUYỄN	11C1	23	110328
593	NGUYỄN HOÀI AN NHIÊN	11C1	23	110331
594	BÙI THỊ THU PHƯƠNG	11C1	24	110333
595	LÝ NGUYỄN KIỀU PHƯƠNG	11C1	24	110334
596	NGUYỄN VIỆT MINH QUÂN	11C1	24	110336
597	BÙI NGỌC NHƯ QUỲNH	11C1	24	110337
598	NGUYỄN QUANG THẮNG	11C1	24	110340
599	NGUYỄN TRẦN NGUYỄN THẢO	11C1	24	110341
600	PHẠM HUỲNH ANH THI	11C1	24	110342

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
601	PHẠM NGUYỄN NGỌC THIÊN	11C1	24	110343
602	NGUYỄN THỊ KIM THOA	11C1	24	110344
603	BÙI THANH THÚY	11C1	24	110347
604	TRẦN MINH TÍN	11C1	24	110351
605	TRỊNH CÔNG TOÀN	11C1	25	110353
606	PHAN THỊ TÚ TRÂM	11C1	25	110356
607	HUỖNH LÊ BẢO TRÂN	11C1	25	110357
608	LA THỊ PHƯƠNG TRINH	11C1	25	110359
609	TRẦN QUỐC TRỌNG	11C1	25	110360
610	NGUYỄN HUỖNH TUYỀN TUYỀN	11C1	25	110364
611	TRẦN THÙY THANH XUÂN	11C1	25	110368
612	PHAN NHƯ Ý	11C1	25	110369
613	TẠ HOÀNG NHƯ Ý	11C1	25	110370
614	NGUYỄN NGỌC BẢO YẾN	11C1	25	110371
615	NGUYỄN THỊ MỸ YẾN	11C1	25	110372
616	TRẦN THỊ MINH YẾN	11C1	25	110373
617	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	11C2	22	110291
618	NGUYỄN ĐĂNG ÁNH	11C2	22	110292
619	NGUYỄN HOÀI BẢO	11C2	22	110293
620	TRỊNH KIM CHI	11C2	22	110295
621	NGUYỄN THANH THÀNH ĐIỆP	11C2	22	110296
622	LÊ THÙY DUYÊN	11C2	22	110298
623	NGUYỄN NGỌC TRÀ GIANG	11C2	22	110300
624	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	11C2	22	110301

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
625	PHAN THỊ HÂN	11C2	22	110304
626	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	11C2	22	110305
627	NGUYỄN HOÀNG DIỆU HIỀN	11C2	22	110307
628	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲNH	11C2	23	110311
629	HUỲNH TẤN KHẢI	11C2	23	110312
630	NGUYỄN DUY KHÁNH	11C2	23	110313
631	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	11C2	23	110314
632	TRẦN BÁ LỘC	11C2	23	110316
633	NGUYỄN THỊ THẢO MY	11C2	23	110320
634	BÙI THỊ THANH NGÂN	11C2	23	110322
635	TRẦN NGỌC BẢO NGÂN	11C2	23	110324
636	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	11C2	23	110325
637	PHAN HOÀN ÁNH NGỌC	11C2	23	110326
638	NGUYỄN THANH NHÀN	11C2	23	110329
639	TRẦN THỊ THANH NHẬT	11C2	23	110330
640	ĐẶNG NGUYỄN MINH PHƯỚC	11C2	24	110332
641	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	11C2	24	110335
642	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	11C2	24	110338
643	PHAN THÂN ĐIỂM QUỲNH	11C2	24	110339
644	NGUYỄN THỊ THU THƯƠNG	11C2	24	110345
645	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	11C2	24	110346
646	NGUYỄN THỊ THÙY	11C2	24	110348
647	PHẠM THY THY	11C2	24	110349
648	NGUYỄN VÕ BẢO TIÊN	11C2	24	110350

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
649	PHẠM THANH TÌNH	11C2	24	110352
650	NGÔ THỊ MỸ TRÀ	11C2	25	110354
651	NGUYỄN NGỌC TRÂM	11C2	25	110355
652	TRẦN KHÁNH TRANG	11C2	25	110358
653	ĐOÀN TRẦN THANH TRÚC	11C2	25	110361
654	NGUYỄN YẾN TRÚC	11C2	25	110362
655	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	11C2	25	110363
656	BÙI PHƯƠNG UYÊN	11C2	25	110365
657	ĐẶNG TRẦN THẢO VIÊN	11C2	25	110366
658	NGÔ THỊ CẨM VIÊN	11C2	25	110367
659	NGUYỄN ÂU KHẢ ÁI	12A1	08	120091
660	NGUYỄN TRẦN GIA AN	12A1	08	120094
661	NGUYỄN PHẠM MINH CHIẾN	12A1	08	120100
662	ĐÀO NGỌC CÔNG	12A1	08	120102
663	NGUYỄN THÂN MINH ĐẠI	12A1	08	120105
664	ĐINH TIỀN HỒ ĐIỆP	12A1	09	120114
665	ĐỖ NGỌC HẠ	12A1	09	120125
666	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	12A1	09	120128
667	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	12A1	09	120129
668	NGUYỄN VĂN ĐỨC HẬU	12A1	10	120131
669	LÊ ĐOÀN KHÁNH HÙNG	12A1	10	120139
670	NGUYỄN ĐĂNG THANH HUY	12A1	10	120140
671	TRẦN ANH KHA	12A1	10	120145
672	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	12A1	10	120148

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
673	VÕ QUÝ NGUYỄN KHÔI	12A1	10	120150
674	NGUYỄN HOÀNG NAM	12A1	11	120167
675	NGUYỄN LÂM NHẬT NAM	12A1	11	120169
676	TRỊNH BẢO NGA	12A1	11	120170
677	NGUYỄN CHÂU NGÂN	12A1	12	120171
678	LÊ THỊ Ý NHI	12A1	12	120189
679	NGUYỄN KIM GIA NHƯ	12A1	13	120192
680	NGUYỄN VÕ QUỲNH NHƯ	12A1	13	120193
681	ĐÀM BẢO PHÚC	12A1	13	120205
682	NGUYỄN HỮU PHÚC	12A1	13	120206
683	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	12A1	13	120207
684	TRẦN MINH QUÂN	12A1	13	120209
685	LÊ HỒNG TÂM	12A1	14	120218
686	NGUYỄN NGỌC TUỆ TÂM	12A1	14	120219
687	PHẠM THỊ BÍCH THAO	12A1	14	120225
688	HUỲNH PHƯƠNG THẢO	12A1	14	120227
689	PHẠM NGỌC THUẬN	12A1	15	120236
690	NGUYỄN TRẦN THUY TIÊN	12A1	15	120240
691	NGUYỄN DANH TIẾN	12A1	15	120241
692	PHẠM TẤN TIẾN	12A1	15	120242
693	NGUYỄN HỮU TÌNH	12A1	15	120245
694	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	12A1	15	120246
695	LÊ PHẠM PHƯƠNG TRÂM	12A1	15	120247
696	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	12A1	15	120251

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
697	TRẦN QUỐC TRẠNG	12A1	16	120253
698	BÙI THIÊN TRIỆU	12A1	16	120257
699	ĐỖ THỊ KIỀU UYÊN	12A1	16	120265
700	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	12A1	16	120266
701	TRẦN THỊ CẨM UYÊN	12A1	16	120267
702	NGUYỄN VĂN VĂN	12A1	16	120268
703	NGUYỄN LÊ NGÂN VIÊN	12A1	16	120269
704	TRỊNH ĐẶNG KIM ÁI	12A2	08	120093
705	DIỆP QUỐC BẢO	12A2	08	120096
706	LÊ TRƯỞNG TRẦN CHÂU	12A2	08	120098
707	TRẦN NGỌC VIỄN CHINH	12A2	08	120101
708	NGUYỄN MẬU QUỐC DANH	12A2	08	120106
709	HUỲNH HỮU ĐẠO	12A2	08	120107
710	TRẦN QUỐC ĐẠT	12A2	09	120111
711	NGUYỄN NGỌC DUY	12A2	09	120117
712	VÕ NGỌC NGUYỄN DUY	12A2	09	120118
713	MẠC NHẬT KHÁNH HÀ	12A2	09	120123
714	BÙI HOÀNG HẢI	12A2	09	120126
715	NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG	12A2	09	120127
716	NGUYỄN TRÍ HIỂN	12A2	10	120132
717	PHAN NGUYỄN LONG HÒA	12A2	10	120133
718	NGUYỄN KHẢI HOÀNG	12A2	10	120134
719	PHẠM BÁ HỮU KIÊN	12A2	11	120152
720	NGUYỄN HỮU LỘC	12A2	11	120158

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
721	LÊ THỊ PHƯƠNG LÝ	12A2	11	120161
722	HUỖNH YẾN MY	12A2	11	120163
723	LÊ NGỌC PHƯƠNG NAM	12A2	11	120166
724	PHẠM ÁNH NGỌC	12A2	12	120175
725	TẠ NGUYỄN THIỆN NHÂN	12A2	12	120181
726	ĐÀO NGỌC NHI	12A2	12	120186
727	PHAN NGUYỄN YẾN NHI	12A2	13	120191
728	TẠ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	12A2	13	120194
729	NGUYỄN VĂN MINH PHÁT	12A2	13	120199
730	PHẠM TRẦN GIA PHÁT	12A2	13	120200
731	LÊ THÁI PHI	12A2	13	120201
732	TRẦN LINH PHƯƠNG	12A2	13	120208
733	TRẦN KHÁNH QUYÊN	12A2	14	120211
734	LÊ HỒNG QUỲNH	12A2	14	120214
735	NGUYỄN NỮ NHƯ QUỲNH	12A2	14	120216
736	TRẦN QUANG SINH	12A2	14	120217
737	TRẦN VĂN TÂN	12A2	14	120221
738	LÊ TUẤN TẤN	12A2	14	120222
739	NGUYỄN TRẦN THẮNG	12A2	14	120223
740	PHẠM TRUNG THÀNH	12A2	14	120224
741	PHẠM THỊ MINH THU	12A2	15	120234
742	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	12A2	15	120238
743	NGUYỄN BẢO TRÂM	12A2	15	120248
744	PHẠM NGÔ THÙY TRÂM	12A2	15	120249

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
745	TRẦN NGỌC BẢO TRANG	12A2	16	120252
746	TRƯƠNG HOÀNG MINH TRÍ	12A2	16	120255
747	ĐÌNH VĂN TRIẾT	12A2	16	120256
748	LÊ QUANG VIN	12A2	16	120270
749	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	12A2	16	120272
750	NGUYỄN TRUNG ÂN	12A3	08	120095
751	PHẠM QUỐC CHÍ	12A3	08	120099
752	HUỲNH VĂN ĐẠT	12A3	08	120108
753	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	12A3	08	120110
754	HUỲNH ANH ĐỨC	12A3	09	120115
755	TRỊNH MINH DŨNG	12A3	09	120116
756	NGUYỄN PHAN MỸ DUYÊN	12A3	09	120119
757	LÊ CAO PHƯƠNG GIANG	12A3	09	120121
758	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	12A3	09	120122
759	TRẦN THỊ HOÀNG HÀ	12A3	09	120124
760	BÙI VĂN HỢP	12A3	10	120136
761	TRẦN DƯƠNG TIÊU HUỆ	12A3	10	120137
762	NGUYỄN KIỀU GIA HUY	12A3	10	120141
763	PHAN ĐÌNH HUY	12A3	10	120142
764	VÕ QUỐC HUY	12A3	10	120143
765	NGUYỄN BÙI THÀNH KHOA	12A3	10	120147
766	NGUYỄN ĐOÀN ANH KIẾT	12A3	11	120153
767	VÕ NGUYỄN QUANG KIN	12A3	11	120154
768	PHẠM TRẦN ÁNH LY	12A3	11	120160

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
769	NGUYỄN HOÀNG MAI	12A3	11	120162
770	PHẠM BÌNH NGUYỄN	12A3	12	120177
771	LÊ NGUYỄN HẠNH NHÂN	12A3	12	120180
772	PHAN THANH NHẬT	12A3	12	120183
773	NGUYỄN CÔNG TẤN NHẬT	12A3	12	120184
774	ĐOÀN PHẠM NGỌC NHI	12A3	12	120187
775	LÊ DƯƠNG QUỲNH NHI	12A3	12	120188
776	NGUYỄN PHẠM YẾN NHI	12A3	12	120190
777	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	12A3	13	120196
778	CAO THANH PHÁT	12A3	13	120198
779	ĐÀO NGUYỄN GIA PHONG	12A3	13	120202
780	LÊ QUANG PHÚ	12A3	13	120203
781	NGUYỄN TẤN ANH QUANG	12A3	13	120210
782	HUỲNH XUÂN TÂN	12A3	14	120220
783	UỠNG LÊ THU THẢO	12A3	14	120229
784	CAO THIÊN	12A3	15	120231
785	PHẠM NGUYỄN GIA THIỆU	12A3	15	120232
786	NGUYỄN THỊ MINH THU'	12A3	15	120233
787	TRẦN THỊ ANH THU'	12A3	15	120235
788	PHẠM HỒNG THỨC	12A3	15	120237
789	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	12A3	15	120239
790	BÙI TRUNG TÍN	12A3	15	120244
791	TRẦN LÊ QUỲNH TRÂM	12A3	15	120250
792	ĐINH NGUYỄN KIỀU TRINH	12A3	16	120258

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
793	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	12A3	16	120260
794	NGUYỄN ANH TUẤN	12A3	16	120264
795	PHẠM NHƯ ÁI	12A4	08	120092
796	VÕ THỊ CẨM	12A4	08	120097
797	ĐINH QUỐC CƯỜNG	12A4	08	120103
798	NGUYỄN VÕ HOÀNG CƯỜNG	12A4	08	120104
799	LÊ TRẦN PHÚC ĐẠT	12A4	08	120109
800	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	12A4	09	120112
801	LÊ VÕ XUÂN DIỄM	12A4	09	120113
802	TRẦN MỸ DUYÊN	12A4	09	120120
803	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	12A4	09	120130
804	PHẠM BÁ HUY HOÀNG	12A4	10	120135
805	PHẠM NGUYỄN NGỌC HÙNG	12A4	10	120138
806	NGUYỄN NỮ TƯỜNG HUYỀN	12A4	10	120144
807	TRẦN NGUYỄN TUẤN KHẢI	12A4	10	120146
808	TRẦN DUY KHÔI	12A4	10	120149
809	HUỲNH TRUNG TRÍ KIÊN	12A4	11	120151
810	CAO NGUYỄN DUY LINH	12A4	11	120155
811	NGUYỄN KHÁNH LINH	12A4	11	120156
812	LÊ VĂN LỘC	12A4	11	120157
813	NGUYỄN THÀNH LUÂN	12A4	11	120159
814	NGUYỄN VIỆT HIỀN MY	12A4	11	120164
815	TRẦN LẠI PHI NA	12A4	11	120165
816	NGUYỄN HỮU NAM	12A4	11	120168

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
817	NGUYỄN THỊ TRÀ NGÂN	12A4	12	120172
818	NGUYỄN HỮU NGHĨA	12A4	12	120173
819	NGUYỄN HẢI NGỌC	12A4	12	120174
820	PHẠM MỸ NGỌC	12A4	12	120176
821	TRẦN CÔNG NGUYỄN	12A4	12	120178
822	BÙI QUANG NHÀN	12A4	12	120179
823	NGUYỄN TRẦN THỐNG NHẤT	12A4	12	120182
824	TRẦN LÂM NHẬT	12A4	12	120185
825	TRƯƠNG THỊ KIỀU NHƯ	12A4	13	120195
826	VÕ THỊ KIỀU OANH	12A4	13	120197
827	BÙI VĂN PHÚC	12A4	13	120204
828	TRẦN KHÁNH QUYÊN	12A4	14	120212
829	VÕ ĐÌNH QUYÊN	12A4	14	120213
830	LƯƠNG LÊ NHẬT QUỲNH	12A4	14	120215
831	BÙI PHAN PHƯƠNG THẢO	12A4	14	120226
832	PHẠM THANH THẢO	12A4	14	120228
833	BÙI MINH THỂ	12A4	14	120230
834	VÕ TẤN TIẾN	12A4	15	120243
835	PHAN NGỌC TRÍ	12A4	16	120254
836	BÙI HỮU TRỌNG	12A4	16	120259
837	PHẠM TRẦN THANH TRÚC	12A4	16	120261
838	TRẦN THỊ MAI TRÚC	12A4	16	120262
839	ĐÀO MINH TÚ	12A4	16	120263
840	NGUYỄN CHÍ VĨNH	12A4	16	120271

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
841	NGUYỄN VĂN AN	12A5	03	120001
842	ĐỖ HỮU ANH	12A5	03	120002
843	LÊ QUANG ANH	12A5	03	120004
844	PHẠM THANH QUANG ANH	12A5	03	120005
845	TRƯƠNG QUANG BÌNH	12A5	03	120007
846	NGUYỄN VĂN ĐẠT	12A5	03	120008
847	TRẦN THUYẾT HIỀN	12A5	03	120013
848	HUỲNH AN HÒA	12A5	03	120015
849	NGUYỄN ANH HUÂN	12A5	03	120017
850	TRẦN DUY HÙNG	12A5	03	120019
851	HỒ QUANG KHẢI	12A5	04	120023
852	NGUYỄN VIỆT BÌNH KHANG	12A5	04	120024
853	HUỲNH MINH KHÁNH	12A5	04	120025
854	NGUYỄN ANH KHOA	12A5	04	120026
855	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG KHÔI	12A5	04	120027
856	HUỲNH TRUNG XUÂN LẠNH	12A5	04	120029
857	LÊ QUANG LỘC	12A5	04	120030
858	BÙI HỒNG LƯ	12A5	04	120033
859	ĐỖ LÊ TRÚC LY	12A5	04	120034
860	ĐỖ THỊ KIM LY	12A5	04	120035
861	VÕ THỊ UYẾN LY	12A5	04	120036
862	NGÔ PHẠM THỊ MỸ	12A5	04	120038
863	ĐOÀN HUỲNH NAM	12A5	04	120039
864	ĐẶNG HUỲNH KIM NGÂN	12A5	04	120040

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
865	NGUYỄN THANH BẢO NGỌC	12A5	05	120042
866	HỒ LÊ NGUYỄN	12A5	05	120043
867	HỒ VĂN NHIÊN	12A5	05	120044
868	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	12A5	05	120047
869	NGUYỄN THÀNH PHÁT	12A5	05	120048
870	PHẠM THANH PHÁT	12A5	05	120049
871	TRẦN THIÊN PHÁT	12A5	05	120050
872	HUỲNH THỊ THANH PHÚ	12A5	05	120051
873	NGUYỄN VĂN QUÂN	12A5	05	120052
874	CAO THỊ NHƯ QUỲNH	12A5	05	120054
875	ĐỖ ĐAN QUỲNH	12A5	05	120055
876	NGUYỄN THU SƯƠNG	12A5	05	120058
877	TRỊNH THỊ THU THẢO	12A5	06	120063
878	VÕ HUỲNH PHƯƠNG THẢO	12A5	06	120064
879	PHẠM THỊ THƯƠNG	12A5	06	120067
880	TRẦN THỊ NGỌC TÌNH	12A5	06	120071
881	LÊ THỊ HUỲNH TRÂM	12A5	06	120072
882	NGUYỄN NHẤT TRÍ	12A5	06	120073
883	TRƯƠNG QUANG TRƯỜNG	12A5	07	120081
884	TRẦN ÁNH TUYẾT	12A5	07	120084
885	HỒ THỊ THÚY UYÊN	12A5	07	120086
886	BÙI THỊ HÀ VY	12A5	07	120089
887	HUỲNH KIM ANH	12A6	03	120003
888	PHẠM PHAN THANH BÌNH	12A6	03	120006

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
889	TRẦN THỊ HUYỀN DIỆU	12A6	03	120009
890	ĐOÀN TRẦN BẢO DUY	12A6	03	120010
891	PHAN TRẦN MẠNH HẢI	12A6	03	120011
892	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	12A6	03	120012
893	TRẦN NGUYỄN PHƯỚC HOÀ	12A6	03	120014
894	LÊ QUANG HOÀNG	12A6	03	120016
895	NGUYỄN HỒNG HƯNG	12A6	03	120018
896	ĐÌNH HOÀNG HUY	12A6	03	120020
897	LƯƠNG GIA HUY	12A6	04	120021
898	VÕ QUANG HUY	12A6	04	120022
899	LÊ QUANG TUẤN KIẾT	12A6	04	120028
900	NGUYỄN TẤN LỘC	12A6	04	120031
901	TRẦN LÊ LONG	12A6	04	120032
902	TRẦN THẢO MY	12A6	04	120037
903	HUỲNH MỸ NGÂN	12A6	05	120041
904	NGUYỄN LÊ MỸ NHIÊN	12A6	05	120045
905	ĐOÀN HUY PHÁP	12A6	05	120046
906	ĐÌNH VĂN NGỌC QUÝ	12A6	05	120053
907	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	12A6	05	120056
908	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	12A6	05	120057
909	TRẦN THANH TÂM	12A6	05	120059
910	NGUYỄN TRÍ TUỆ TÂN	12A6	05	120060
911	TRẦN HỮU THẮNG	12A6	06	120061
912	NGUYỄN THU THẢO	12A6	06	120062

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
913	NGÔ HỮU THỊNH	12A6	06	120065
914	TRẦN VŨ MINH THOA	12A6	06	120066
915	TRẦN THỊ KIỀU THÚY	12A6	06	120068
916	NGUYỄN LÊ DIỄM THÙY	12A6	06	120069
917	LÊ VĂN DUY TIỆP	12A6	06	120070
918	TRẦN NHẤT TRÍ	12A6	06	120074
919	PHAN THANH TRỊ	12A6	06	120075
920	LÊ NGUYỄN THANH TRINH	12A6	06	120076
921	NGUYỄN NGỌC BẢO TRINH	12A6	06	120077
922	NGUYỄN VĂN TRUNG	12A6	06	120078
923	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	12A6	06	120079
924	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	12A6	06	120080
925	NGUYỄN VĂN TRUỞNG	12A6	07	120082
926	NGUYỄN HOÀNG CẨM TÚ	12A6	07	120083
927	HỒ NGỌC PHƯƠNG UYÊN	12A6	07	120085
928	TẠ THÙY VÂN	12A6	07	120087
929	NGUYỄN LƯƠNG THẾ VŨ	12A6	07	120088
930	TRẦN MAI THỊ NHƯ Ý	12A6	07	120090
931	PHAN LÊ BẢO CHÂU	12C1	17	120277
932	NGUYỄN THỊ KIM CHI	12C1	17	120278
933	VÕ NGUYỄN QUỐC ĐIỀN	12C1	17	120282
934	NGUYỄN BÁ DUY	12C1	17	120286
935	TẠ PHẠM KỶ DUYÊN	12C1	17	120288
936	NGUYỄN PHÚC GIA HIỀN	12C1	18	120293

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
937	NGUYỄN NGỌC HIỆU	12C1	18	120295
938	NGUYỄN TIẾN HƯNG	12C1	18	120296
939	PHẠM BÁ ANH KIỆT	12C1	18	120302
940	HUỲNH THÚY KIỀU	12C1	18	120303
941	VÕ THỊ THANH LÀI	12C1	18	120304
942	NGÔ THỊ KIM LAN	12C1	18	120305
943	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	12C1	18	120312
944	TRẦN HÀ MY	12C1	19	120314
945	LÊ LY NA	12C1	19	120316
946	NGUYỄN TIẾN NAM	12C1	19	120317
947	LÊ QUỲNH NGÂN	12C1	19	120318
948	TRƯƠNG ĐÌNH THẢO NGUYỄN	12C1	19	120324
949	VÕ NGỌC QUỲNH NHI	12C1	19	120326
950	NGUYỄN TRẦN NHƯ PHƯƠNG	12C1	19	120329
951	PHẠM MỸ PHƯƠNG	12C1	19	120331
952	NGUYỄN LÊ Ý QUYÊN	12C1	20	120334
953	NGUYỄN THỊ QUYÊN	12C1	20	120335
954	PHAN NGỌC TỔ QUYÊN	12C1	20	120337
955	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	12C1	20	120338
956	NGUYỄN NGỌC CHÂU THIÊN	12C1	20	120344
957	NGUYỄN TRẦN Ý THƠ	12C1	20	120346
958	NGUYỄN BẢO HOÀI THƯ	12C1	20	120350
959	NGUYỄN THỊ DIỄM THÙY	12C1	21	120356
960	NGUYỄN HÀ XUÂN THY	12C1	21	120357

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
961	HUỖNH THỊ KIỀU TRÂM	12C1	21	120360
962	LÊ THÙY TRÂM	12C1	21	120362
963	HUỖNH THỊ THU TRANG	12C1	21	120367
964	NGUYỄN ÁNH TRÚC	12C1	21	120371
965	HUỖNH NGUYỄN TỔ UYÊN	12C1	22	120374
966	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	12C1	22	120376
967	VI THỊ THÚY VY	12C1	22	120378
968	HUỖNH NGUYỄN QUỐC BẢO	12C2	17	120275
969	TRẦN QUỐC ĐẠT	12C2	17	120280
970	TRẦN KIỀU DIỄM	12C2	17	120281
971	NGUYỄN THỊ XUÂN DIỆU	12C2	17	120283
972	LÊ THỊ MỸ DUNG	12C2	17	120284
973	ĐINH PHAN DUYÊN	12C2	17	120287
974	ĐINH VIỆT PHƯỢNG HẰNG	12C2	17	120292
975	HUỖNH QUỐC HIẾU	12C2	18	120294
976	NGUYỄN THỊ DIỆU HUYỀN	12C2	18	120299
977	HUỖNH THỊ VŨ LIÊN	12C2	18	120306
978	PHẠM NGỌC LONG	12C2	18	120308
979	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	12C2	18	120311
980	NGUYỄN VŨ KIỀU MY	12C2	19	120313
981	VŨ THỊ THÚY NGÂN	12C2	19	120320
982	NGUYỄN BẢO NGỌC	12C2	19	120321
983	ĐẶNG THỊ THẢO NGUYÊN	12C2	19	120323
984	VŨ TRẦN BẢO NHƯ	12C2	19	120327

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
985	PHẠM TẤN PHÁT	12C2	19	120328
986	NGUYỄN LỆ QUYÊN	12C2	20	120333
987	PHẠM MINH QUYÊN	12C2	20	120336
988	NGUYỄN HUỲNH NHƯ QUỲNH	12C2	20	120340
989	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	12C2	20	120341
990	NGUYỄN THUÝ THANH	12C2	20	120342
991	TRẦN THỊ THANH THẢO	12C2	20	120343
992	NGUYỄN THANH THOA	12C2	20	120347
993	BÙI THỊ ANH THU'	12C2	20	120349
994	TRẦN NGUYỄN VÂN THU'	12C2	20	120352
995	ĐẶNG NGỌC TRÂM	12C2	21	120358
996	NGUYỄN BẢO TRÂM	12C2	21	120363
997	NGUYỄN VĨNH HÀ TRÂM	12C2	21	120364
998	LÊ BẢO TRÂN	12C2	21	120366
999	LÊ TUẤN TRIỀU	12C2	21	120368
1000	ĐỖ THỊ KIM TRINH	12C2	21	120369
1001	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	12C2	22	120373
1002	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG VỸ	12C2	22	120379
1003	TRƯƠNG NGỌC YẾN	12C2	22	120380
1004	ĐOÀN NGỌC ANH	12C3	17	120273
1005	ĐỖ THỊ HỒNG ÁNH	12C3	17	120274
1006	NGUYỄN THỊ NHƯ BÚT	12C3	17	120276
1007	NGUYỄN VĂN CÔNG	12C3	17	120279
1008	LÊ THỊ MỸ DUNG	12C3	17	120285

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
1009	HUỖNH TRẦN HƯỞNG GIANG	12C3	17	120289
1010	NGUYỄN KIỀU VỆ GIANG	12C3	17	120290
1011	PHẠM NGỌC THU HÀ	12C3	17	120291
1012	TRẦN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	12C3	18	120297
1013	HUỖNH THỊ MỸ HUYỀN	12C3	18	120298
1014	HUỖNH TẤN KHANG	12C3	18	120300
1015	LÊ TUẦN KIỆT	12C3	18	120301
1016	CAO HUỖNH BÍCH LOAN	12C3	18	120307
1017	VÕ QUANG LỰC	12C3	18	120309
1018	TRẦN THỊ CẨM LY	12C3	18	120310
1019	CAO VŨ CHI NA	12C3	19	120315
1020	VÕ MINH MỸ NGÂN	12C3	19	120319
1021	TRƯƠNG GIA BẢO NGỌC	12C3	19	120322
1022	BÙI ÁI NGUYỄN	12C3	19	120325
1023	TRẦN MINH NHƯ PHƯƠNG	12C3	19	120330
1024	BÙI THỊ ÁNH QUYÊN	12C3	19	120332
1025	NGÔ THỊ THÚY QUỲNH	12C3	20	120339
1026	NGUYỄN THỊ HỒNG THIẾT	12C3	20	120345
1027	DƯƠNG THỊ NGỌC THƠM	12C3	20	120348
1028	NGUYỄN THỊ ANH THU	12C3	20	120351
1029	TRẦN THỊ MINH THU	12C3	21	120353
1030	ĐỖ THỊ KIM THÙY	12C3	21	120354
1031	NGUYỄN THỊ THÙY	12C3	21	120355
1032	ĐOÀN THỊ NGỌC TRÂM	12C3	21	120359

DANH SÁCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 (2025-2026)

Học sinh có mặt tại phòng thi lúc 13 giờ 30

STT	Họ và tên	Lớp	PHÒNG	SBD
1033	LÊ HẠNH TRÂM	12C3	21	120361
1034	TRỊNH LÊ THÙY TRÂM	12C3	21	120365
1035	ĐÀM ĐOÀN NHỊ TRÚC	12C3	21	120370
1036	PHAN VĂN TRƯỜNG	12C3	21	120372
1037	NGUYỄN HUỲNH THU VÂN	12C3	22	120375
1038	TRẦN ĐIỂM VY	12C3	22	120377